

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/5/2020

V/v Ly hôn giữa anh Q và
chị L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Viết Khai

2. Ông Bò Xuân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1985

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990

Người giám hộ của chị Trần Thị L: Ông Trần Văn L, sinh năm 1967

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, TP. H

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh Hoàng Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 18 tháng 10 năm 2012, anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, TP. H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, anh Q và chị L sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh Q đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với chị L từ tháng 7/2016. Khoảng cuối năm 2016, chị L có biểu hiện của bệnh tâm thần và phải điều trị tại bệnh viện tâm thần trung ương nên anh Q đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị Trần Thị L mất năng lực hành vi dân sự hoặc là người có khó khăn trong nhận thức, điều khiển hành vi. Ngày 12/8/2019, Tòa án nhân dân huyện T ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐ-ST tuyên bố chị Trần Thị L là người có khó khăn trong nhận thức, điều khiển hành vi, chỉ định ông Trần Văn L là người giám hộ cho chị Trần Thị L. Hiện tại, anh Q không còn tình cảm vợ chồng với chị L nên đã nộp đơn xin ly hôn chị L tại Tòa án nhân dân huyện T và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L có một con chung là cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014. Nếu ly hôn, anh Hoàng Ngọc Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Trọng S và đề nghị chị Trần Thị L đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu Hoàng Trọng S cho anh với mức 500.000 đồng / 1 tháng.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Hoàng Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Ngọc Q kết hôn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 18/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, TP. H. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị L và anh Q đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng

7/2016. Hiện tại, chị L không còn tình cảm với anh Q và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Ngọc Q có một con chung là cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014. Nếu ly hôn, chị Trần Thị L đồng ý và đề nghị anh Q trực tiếp nuôi cháu Hoàng Trọng S. Chị L đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu Hoàng Trọng S cho anh Hoàng Ngọc Q nhưng chị L đề nghị Tòa án xem xét mức yêu cầu của anh Q.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn L - người giám hộ cho chị Trần Thị L trình bày:

Ông Trần Văn L là bố đẻ của chị Trần Thị L và cũng là người được Tòa án nhân dân huyện T chỉ định làm người giám hộ cho chị Trần Thị L theo quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐ-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Ông Trần Văn L được bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho chị Trần Thị L.

Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, anh Q và chị L sống cùng với bố mẹ anh Q tại thôn N, xã H, huyện T, TP. H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống nên anh Q và chị L thường xuyên cãi nhau. Chị L đã về ở với vợ chồng ông L từ tháng 7/2016. Nay, anh Q xin ly hôn chị L thì ông L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Anh Q và chị L có một con chung là cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014, cháu S đang ở với anh Q và ông bà nội. Nay, anh Q và chị L ly hôn, ông L đề nghị Tòa án giao cháu S cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chị L có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu S cho anh Q theo quy định của pháp luật.

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa:

Anh Hoàng Ngọc Q, chị Trần Thị L và người giám hộ của chị Trần Thị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, TP. H cung cấp: Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L sống cùng với bố mẹ anh Q tại thôn N, xã H, huyện T, TP. H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên anh Q đã nộp đơn xin ly hôn chị L trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T. Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L có một con chung là cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014. Cháu S đang ở cùng anh Q. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn và đương sự khác đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Hoàng Ngọc Q được ly hôn chị Trần Thị L; Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014 cho anh Hoàng Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Trần Thị L có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu Hoàng Trọng S cho anh Hoàng Ngọc Q với mức 500.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung vợ chồng: Do anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, anh Hoàng Ngọc Q đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với chị Trần Thị L, sinh năm 1990, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn N, xã H, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L kết hôn vào ngày 18/10/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, TP. H. Anh Q và chị L kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh Q và chị L đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 7/2016 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để anh Q và chị L đoàn tụ nhưng không thành do anh Q cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân được hơn ba năm, anh Q và chị L không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Q giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, chị L cũng nhất trí ly hôn và ông L - người giám hộ cho chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh Q được ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho anh Q được ly hôn với chị L là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L có một con chung là cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014. Nếu ly hôn, anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và chị L cũng nhất trí nên giao cháu Hoàng

Trọng S cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Q đề nghị chị L đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu S cho anh Q với mức 500.000 đồng/ 1 tháng. Chị L đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh Q nhưng đề nghị Tòa án xem xét lại mức yêu cầu đóng góp của anh Q.

Xét, anh Q có sức khỏe yếu, không có công việc ổn định và thu nhập thấp. Bản thân cháu Hoàng Trọng S cũng có sức khỏe yếu, thường xuyên đau ốm. Do vậy, anh Q cần chị L đóng góp phí tổn nuôi con chung để có thể chăm sóc tốt nhất cho cháu S. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L khẳng định mình không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu S và cũng đồng ý đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh Q nhưng đề nghị Tòa án xem xét mức yêu cầu đóng góp. Hội đồng xét xử xét hoàn cảnh kinh tế, điều kiện sức khỏe, công việc, thu nhập của anh Q cũng như tình trạng sức khỏe của cháu S nhận thấy mức yêu cầu đóng góp phí tổn của anh Q là phù hợp. Do vậy, buộc chị L phải đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu S cho anh Q với mức 500.000 đồng/ 1 tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Anh Hoàng Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Q thuộc hộ cận nghèo của xã H và đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hoàng Ngọc Q. Trả lại anh Hoàng Ngọc Q 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012161 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

Chị Trần Thị L phải nộp **300.000** đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3.6] Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Ngọc Q, chị Trần Thị và người giám hộ của chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Ngọc Q được ly hôn chị Trần Thị L.
2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng S, sinh ngày 27/5/2014 cho anh Hoàng Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Trọng S đủ 18 hoặc khi có thay đổi khác. Chị Trần Thị L có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với cháu Hoàng Trọng S cho anh Hoàng Ngọc Q với mức 500.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Hoàng Trọng S đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị Trần Thị L được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Hoàng Ngọc Q và chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Hoàng Ngọc Q được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại anh Hoàng Ngọc Q 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012161 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

Chị Trần Thị L phải nộp **300.000** đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người giám hộ của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *TAND TP. H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện T;*
- *Ủy ban nhân dân xã H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Hòa